TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 22

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 871, chữ số 8 có giá trị là:

A. 871 **B.** 800 **C.** 8 **D.** 80

Câu 2. Kết quả của phép chia 49 : 7 là:

A. 7 **B.** 6 **C.** 42 **D.** 8

Câu 3. Số lớn là 36, số bé là 6. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 30 lần **B.** 42 lần **C.** 6 lần **D.** 7 lần

Câu 4. Một phần năm (1/5) của 40 cm là:

A. 8 cm **B.** 35 cm **C.** 10 cm **D.** 200 cm

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 m = …… dm

A. 90 **B.** 9000 **C.** 900 **D.** 9

Câu 6. Khối lập phương có bao nhiêu đỉnh?

A. 12 đỉnh **B.** 4 đỉnh **C.** 8 đỉnh **D.** 6 đỉnh

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 5 × 9 = 47	
b) 8 m = 80 cm	
c) 25 + 5 × 2 = 35	
d) 16 : 3 = 5 (dư 2)	

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 238 + 504 = ……

b) 418 − 346 = ……

c) 223 × 3 = ……

d) 340 : 4 = ……

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 9 × 5 …… 45

b) 1 kg …… 1001 g

c) 4 m 4 cm …… 494 cm

d) 1/6 của 30 …… 1/2 của 12

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 trăm, 6 chục, 1 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 906, 622, 106, 965, 783 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/2 của 12 phút là …… phút

b) 1/9 của 45 kg là …… kg

c) 1/8 của 24 l là …… l

Bài 6. Nam có 4 nhãn vở, Yến có 36 nhãn vở. Hỏi số nhãn vở của Yến gấp mấy lần số nhãn vở của Nam?

a) Trả lời: …… lần

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 22

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	C	A	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) S; b) S; c) Đ; d) S

Bài 2.

a) 238 + 504 = 742

b) 418 − 346 = 72

c) 223 × 3 = 669

d) 340 : 4 = 85

Bài 3.

a) 9 × 5 = 45 nên điền dấu «=»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «<»

c) 4 m 4 cm = 404 cm nên điền dấu «<»

d) 1/6 của 30 là 5; 1/2 của 12 là 6 nên điền dấu «<»

Bài 4.

a) 961

b) Số lớn nhất là 965

c) Số bé nhất là 106

d) 965 + 1 = 966

Bài 5.

a) 12 : 2 = 6 (phút)

b) 45 : 9 = 5 (kg)

c) 24 : 8 = 3 (l)

Bài 6.

36 : 4 = 9 (lần)